

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày 31/3/2021.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thắng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Văn Đủ và ông Lý Ba Duy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 159/2020/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1988; (*có mặt*)

- **Bị đơn:** Anh Vi Văn T, sinh năm 1987; (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố TP, thị trấn ĐC, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2020 và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị B trình bày: Chị và anh Vi Văn T Đ ký kết hôn với nhau năm 2010 tại UBND thị trấn ĐC, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, trước khi cưới có được tìm hiểu, lấy nhau trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc. Từ ngày chị B đi làm (giáo viên), vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T không quan tâm đến gia đình, bỏ đi làm ăn xa để chị B ở nhà một mình nuôi con. Chị B và anh T đã sống ly thân từ năm 2016. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vi Hoàng Đ, sinh ngày 13/01/2014. Hiện nay con đang ở với chị B. Khi ly hôn chị B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Vi Văn T: Tại biên bản xác minh ngày 20/11/2020 thể hiện: Anh Vi Văn T có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố TP, thị trấn ĐC, huyện VN, nhưng hiện tại không có mặt tại địa phương. Ông Vi Văn K và bà bà Lý Thị I (Bố, mẹ anh T) cung cấp thông tin tại biên bản xác minh ngày 20/11/2020 và biên bản làm việc ngày 08/02/2021 cho biết: Anh T đã đi khỏi gia đình từ lâu, nay gia đình không biết đi làm ăn ở đâu, thi thoảng có gọi điện về nhà. Về việc chị B xin ly hôn anh T, ông Khởi có ý kiến: Anh T và chị B có Đ ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng anh T chị B có 01 con chung tên là Vi Hoàng Đ sinh ngày 13/01/2014, vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, hiện anh T không có mặt tại gia đình, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh T, ông Khởi, bà Ít đã nhận thay và thông báo cho anh T biết nhưng không về được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản trình bày nguyên vọng ngày 22/3/2021 cháu Vi Hoàng Đ có nguyện vọng được ở với chị B.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật, đã niêm yết và giao hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh T vẫn không đến Tòa án để giải quyết. Đây được coi là trường hợp cố tình trốn tránh, dấu địa chỉ nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh T. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với các quy định của pháp luật, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

- + Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Hoàng Thị B được ly hôn anh Vi Văn T.
- + Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị B trực tiếp nuôi con chung là cháu Vi Hoàng Đ, sinh ngày 13/01/2014. Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho anh T.
- + Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.
- + Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại thời điểm thụ lý vụ án, nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại tổ dân phố TP, thị trấn ĐC, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Vi Văn T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai đã xác minh việc vắng mặt của anh T tại gia đình. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B và anh Vi Văn T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có Đ ký kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, Từ ngày chị B đi làm giáo viên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh T không quan tâm đến gia đình, đi làm ăn xa. Chị B và anh T đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị B là có cơ sở cần được chấp nhận, cho chị B được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị B, anh T có 01 con chung tên: Vi Hoàng Đ, sinh ngày 13/01/2014. Hiện nay cháu đang sống cùng với chị B. Chị B có nguyện vọng được nuôi con chung. Nguyện vọng của cháu Đ (con trên 7 tuổi) cũng muốn ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy, hiện nay anh T không có mặt tại địa phương, chị B có công việc và thu nhập ổn định, cần giao cho chị B có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Hoàng Đ là phù hợp. Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị B không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí: Trong vụ án này, chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là phù hợp, cần được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Hoàng Thị B được ly hôn anh Vi Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Vi Hoàng Đ, sinh ngày 13/01/2014; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Anh T vẫn có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0007786 ngày 17/11/2020.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Võ Nhai;
- THADS huyện Võ Nhai;
- UBND thị trấn ĐC;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tất Thắng